**BÀI 1: CÔNG DÂN VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ (2 Tiết)**

1. **Sản xuất của cải vật chất**  
   ***a) Thế nào là sản xuất của cải vật chất?***  
   Là sự *tác động* của con người vào *tự nhiên*, biến đổi các yếu tố của tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình.

**VD:** *Con người khai thác gỗ để làm bàn, ghế; khai thác quặng sắt để làm ra những vật dụng phục vụ đời sống*

***b) Vai trò của sản xuất của cải vật chất***  
- Sản xuất của cải vật chất là *cơ sở tồn tại* của xã hội vì: sản xuất ra của cải vật chất để duy trì sự tồn tại của con người và xã hội loài người. *(Nếu ngừng* sản xuất của cải vật chất, xã hội *sẽ không tồn tại)*

*VD: Sản xuất ra lúa gạo, lương thực để bán và dùng làm lương thực v.v.. có lương thực con người sống và làm việc, kinh tế phát triển thì xã hội phát triển và tiếp tục tồn tại.*  
- Sx của cải vc *quyết định* mọi hoạt động của xh. Vì: sự phát triển của hoạt động sản xuất là tiền đề, là cơ sở thúc đẩy việc mở rộng các hoạt động khác của xã hội…

*VD: Doanh nghiệp sản xuất ra vật chất và kinh doanh những cái đó, con người mua và bán tạo ra dòng chảy kinh tế, và có kinh tế sẽ có điều kiện để thúc đẩy hoạt động xã hội.*  
***\* KL***: SXVC giữ vai trò là cơ sở của sự tồn tại và phát triển của xã hội, xét đến cùng quyết định toàn bộ sự vận động của đời sống xã hội.  
**2. Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất**  
***a) Sức lao động***  
- Sức lao động là toàn bộ những năng lực *thế chất* và *tinh thần* của con người vận dụng vào quá trình sx.

+ Thể chất: *là sức khoẻ, sức làm*

+ Tinh thần: *năng lực bên trong, sự kiên trì, nghị lực*

- Thể chất và tinh thần là hai yếu tố không thể thiếu trong hoạt động lao động của con người. Nếu thiếu 1 trong 2 yếu tố thì người đó sẽ không có sức lao động. (HS nêu ví dụ chứng minh).

***Ví dụ:*** *Nếu có sức khoẻ nhưng không có ý chí, hay ngược lại thì không có sức lao động.*- Lao động là hoạt động có *mục đích*, có *ý thức* của con người làm biến đổi những yếu tố của tự nhiên cho phù hợp với yêu cầu của con người.  
- Nói SLĐ mới chỉ là khả năng của lao động, còn lao động là sự tiêu dùng sức lao động trong hiện thực. Em hiểu như thế nào về nhận định này?

*Ví dụ loài kiến, loài ong xây tổ là dùng sức lao động vì chúng làm theo bản năng. Còn con người xây nhà với những mục đích nhất định, có ý thức là lao động (lao động bao gồm cả sức lao động)*  
***- KL*** : LĐ là hoạt động *có mục đích, ý thức* của con người, là *hoạt động bản chất* phân biệt con người với loài vật. Hoạt động tự giác, có ý thức, biết chế tạo CCLĐ là phẩm chất đặc biệt của con người.  
***b) Đối tượng lao động***  
- Là những *yếu tố tự nhiên* mà LĐ của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người  
- ĐTLĐ gồm *2* loại:  
 + Loại *có sẵn trong tự nhiên* (gỗ, quặng, tôm, cá...) là ĐTLĐ của các ngành khai thác.  
 + Loại *đã trải qua tác động của lao động* (như các nguyên liệu: sợi, sắt thép, lúa gạo...) là ĐTLĐ của các ngành công nghiệp chế biến.  
- Vai trò của KH – CNo tạo ra nhiều nguyên vật liệu “nhân tạo” có nguồn gốc từ TN, thúc đẩy SX phát triển.  
***c) Tư liệu lao động***  
- Là *1 vật* hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ *truyền dẫn* sự tác động của con người lên ĐTLĐ, nhằm biến đổi ĐTLĐ thành sản phẩm thoả mãn nhu cầu của con người.  
- TLLĐ gồm *3* loại:  
+ *Công cụ lao động, SX* (cày, cuốc, máy móc ...)  
+ *Hệ thống bình chứa của SX* (ống, thùng, hộp ...)  
+ *Kết cấu hạ tầng của SX* (đường xá, bến cảng, sân bay...)   
- Vai trò:*Công cụ lao động* là yếu tố quan trọng, quyết định nhất, thể hiện ở trình độ phát triển KT – XH của một quốc gia. Kết cấu hạ tầng, là điều kiện cần thiết của SX, phải đi trước một bước.  
***\* Mối quan hệ giữa các yếu tố:***  
- Ba yếu tố (SLĐ, ĐTLĐ, TLLĐ) có quan hệ chặt chẽ với nhau của quá trình SX. Trong đó, SLĐ là chủ thể sáng tạo, là nguồn lực không cạn kiệt, là yếu tố quan trọng và quyết định nhất đối với sự phát triển KT. Vì vậy, phải xác định bồi dưỡng nâng cao chất lượng SLĐ - nguồn lực con người là quốc sách hàng đầu.  
TLLĐ và ĐTLĐ bắt nguồn từ TN, nên đồng thời với phát triển sx phải quan tâm bảo vệ để tái tạo ra TNTN, đảm bảo sự phát triển bền vững.

**BÀI TẬP**

Xác định 3 yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất lúa, gạo; vải (may quần áo).

***Đối với lúa gạo****: sức lao động của con người, đối tượng lao động là cây lúa, tư liệu lao động là máy cày máy kéo máy tuốt, bao đựng v.v...*

***Đối với vải:*** *sức lao động của con người, đối tượng lao động là sợi dệt vải, tư liệu lao động là máy dệt, máy may, kim chỉ may...  
3.* **Phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội**  
***a) Phát triển kinh tế.* Cơ cấu kinh tế (không dạy).**  
- Phát triển KT là sự tăng trưởng KT gắn liền với cơ cấu KT hợp lý, tiến bộ và công bằng xã hội*. (gồm 3 nội dung:* + tăng trưởng KT;

+ cơ cấu KT hợp lý, tiến bộ;

+ phải đi đôi với công bằng XH)  
*+ Tăng trưởng KT* : Là sự tăng lên về số lượng, chất lượng sản phẩm và các yếu tố của quá trình sản xuất ra nó. Quy mô và tốc độ tăng trưởng KT là thước đo quan trọng để xác định phát triển KT của một quốc gia.

Thước đo tăng trưởng kinh tế là: *Sự tăng lên về số lượng, chất lượng sản phẩm và các yếu tố của quá trình sản xuất ra nó.*

***b) Ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân gia đình và xã hội***

**(**Hướng dẫn học sinh tự học**)**  
***- Đối với cá nhân***  
Phát triển KT tạo điều kiện để mỗi người có việc làm và thu nhập ổn định, cuộc sống ấm no; đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần ngày càng phong phú; có điều kiện học tập, hoạt động XH, phát triển con người toàn diện ...  
***- Đối với gia đình***  
Phát triển KT là tiền đề, cơ sở quan trọng để thực hiện tốt các chức năng gia đình: KT, sinh sản, chăm sóc và giáo dục, đảm bảo hạnh phúc gia đình; XD gia đình văn hoá ...để GĐ thực sự là tổ ấm hạnh phúc mỗi người, là tế bào của XH.  
***- Đối với xã hội***  
+ Phát triển KT làm tăng thu nhập quốc dân và phúc lợi xh, chất lượng cuộc sống cộng đồng   
+ Tạo đk giải quyết công ăn việc làm, giảm thất nghiệp và tệ nạn XH.  
+ Là tiền đề vật chất để phát triển VH, GD, YT ... đảm bảo ổn định KT, CT, XH.  
+ Tạo tiền đề vc để củng cố QPAN giữ vững chế độ chính trị, tăng cường hiệu lực quản lý của NN, củng cố niềm tin của nd vào sự lãnh đạo của Đảng.  
+ Là điều kiện để khắc phục tụt hậu về KT, XD nền KT độc lập tự chủ, mở rộng quan hệ quốc tế, định hướng XHCN.

**Bài 2: HÀNG HOÁ - TIỀN TỆ - THỊ TRƯỜNG (3 Tiết)**

1. **Hàng hoá**   
   **a) Hàng hoá là gì?**  
   **Ví dụ:** Người nông dân sx ra lúa gạo, một phần để tiêu dùng, một phần để trao đổi lấy sản phẩm tiêu dùng khác.

- Sản phẩm chỉ trở thành HH khi có đủ 3 điều kiện:

+ Sản phẩm do *lao động làm ra*

+ Có *công dụng* nhất định để thoả mãn nhu cầu con người

+ Thông qua *trao đổi, mua - bán*  
- Vậy, HH là sản phẩm của lao động có thể thoả mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua – bán.  
**-** HH là một phạm trù *lịch sử, chỉ tồn tại trong nền kinh tế hàng hóa*

- HH có thể ở dạng *vật thể* (hữu hình) hoặc ở dạng *phi vật thể* (HH dịch vụ).  
**b) Hai thuộc tính của hàng hoá**  
***\* Giá trị sử dụng của hàng hoá***  
**- *Giá trị sử dụng*** *của HH là công dụng của sản phẩm có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người.*

- VD:   
- Giá trị sử dụng của HH được phát hiện dần và ngày càng đa dạng, phong phú cùng với sự phát triển của LLSX và KH – KT.  
***VD:*** *Than đá, dầu mỏ lúc đầu chỉ làm chất đốt, sau đó làm nguyên liệu cho một số ngành công nghiệp để chế biến ra nhiều sản phẩm phục vụ đời sống.*

***\* Giá trị của hàng hoá***  
- Giá trị của HH được biểu hiện thông qua giá trị trao đổi của HH. Giá trị trao đổi là một quan hệ về số lượng, hay tỉ lệ trao đổi giữa các HH có giá trị sử dụng khác nhau.  
**VD:** 1m vải = 5kg thóc.  
***- Giá trị HH*** *là LĐ xã hội của người sản xuất kết tinh trong HH.*

- Thời gian lao động cá biệt (TGLĐCB): *Là thời gian lao động hao phí để sản xuất ra hàng hóa của từng người.*

* Thời gian lao động xã hội cần thiết: (TGLĐXHCT): *Là thời gian cần thiết cho bất cứ lao động nào tiến hành với một trình độ thành thạo trung bình và một cường độ trung bình, trong những điều kiện trung bình so với hoàn cảnh xã hội nhất định.*

**KL:** Hàng hóa là sự *thống nhất* của hai thuộc tính: *giá trị sử dụng* và *giá trị.* Đó là sự thống nhất của *hai mặt đối lập* mà thiếu 1 trong 2 thuộc tính thì sản phẩm không thể trở thành hàng hóa.

*Khi nền kinh tế TG ngày càng phát triển năng động, khoa học KT ngày càng có nhiều thành tựu đòi hỏi mỗi người cần có trách nhiệm tham gia SX tăng năng suất lao động, áp dụng thành tựu KHKT nâng cao chất lượng và đa dạng sản phẩm, giá trị sử dụng cao và giá ngày càng thấp hơn, đáp ứng ngày càng cao hơn nhu cầu người tiêu dùng, làm giàu đất nước.*  
**2. Tiền tệ**  
**a) Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ? (**Khuyến khích học sinh tự học**)**  
- Tiền xuất hiện là kết quả quá trình phát triển lâu dài của sx, trao đổi HH và các hình thái giá trị.  
(4 hình thái giá trị phát triển từ thấp đến cao dẫn đến sự ra đời của tiền tệ)  
**b) Chức năng của tiền tệ**  
**- *Thước đo giá trị***

+ Khi tiền được dùng để *đo lường* và *biểu hiện* giá trị của HH.

Giá trị HH được biểu hiện bằng một lượng tiền nhất định gọi là giá cả HH.  
+ Giá cả HH quyết định bởi các yếu tố: giá trị HH, giá trị tiền tệ, quan hệ cung – cầu HH. Do đó, trên thị trường giá cả có thể bằng, thấp hơn hoặc cao hơn giá trị. (Nếu các đk khác không thay đổi giá trị HH cao thì giá cả của nó cao và ngược lại).  
**- *Phương tiện lưu thông***  
Theo công thức: *H-T-H trong đó H-T là quá trình bán, T-H là quá trình mua, người ta bán hàng hóa lấy tiền rồi dùng tiền để mua hàng hóa mình cần.*

**VD**: *Người nông dân bán gà lấy tiền (H-T), rồi dùng tiền đó để mua quần áo (T-H)***- *Phương tiện cất trữ***Khi tiền *rút khỏi lưu thông* và được cất trữ lại, khi cần đem ra mua hàng; vì tiền đại biểu cho của cải xã hội dưới hình thái giá trị (cất trữ của cải phải bằng vàng).

Tiền gửi ngân hàng có phải là phương tiện cất trữ không ? -> *Có****VD:*** *Bỏ vào ATM, bỏ ngân hàng, bỏ két sắt,...*

**- *Phương tiện thanh toán***  
Tiền dùng để chi trả sau khi giao dịch, mua bán (trả tiền mua chịu HH, trả nợ, nộp thuế...) Làm cho quá trình mua bán nhanh hơn, người sx và trao đổi HH phụ thuộc vào nhau hơn.

**VD**: *Người A mua chịu hàng hoá của người B, người B lại mua chịu hàng hoá của người C… thì họ phụ thuộc vào nhau. Nếu một người nào đó trong số họ không có khả năng thanh toán thì sẽ gây khó khăn cho sản xuất, kinh doanh của những người kia.*   
**- *Tiền tệ thế giới***  
Trao đổi HH vượt khỏi quốc gia thì tiền làm chức năng tiền tệ thế giới.

Tỷ giá hối đoái: là giá cả đồng tiền nước này được tính bằng đồng tiền của nước khác.  
**VD:** *1USD = 22.70096 đ VN (29.1. 2018)  
mua xe nhập thì phải đổi sang tiền nước đó (VN → Yên, VN → EURO thông qua quỹ hàng)***c) Quy luật lưu thông tiền tệ (không học)**  
**3. Thị trường**  
**a) Thị trường là gì?**  
\*Thị trường là lĩnh vực *trao đổi, mua bán* mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định *giá cả* và *số lượng* hàng hoá, dịch vụ.  
- Thị trường có  *hai* dạng:

+ Thị trường *giản đơn* (hữu hình) gắn với không gian, thời gian nhất định.

VD: *các chợ, tụ điểm buôn bán, cửa hàng tạp hoá...*  
+ Thị trường *hiện đại*: Việc trao đổi HH, dịch vụ diễn ra linh hoạt thông qua hình thức môi giới trung gian, quảng cáo, tiếp thị...để khai thông quan hệ mua – bán và ký kết các hợp đồng kinh tế. (thị trường bất động sản, thị trường chất xám…)

VD: *Bất động sản, cò đất, cò nhà :))*

- Các nhân tố cơ bản của thị trường là: hàng hoá, tiền tệ, người mua, người bán. Từ đó hình thành quan hệ: hàng hoá - tiền tệ, mua – bán, cung – cầu, giá cả hàng hoá.  
***b) Các chức năng cơ bản của thị trường***  
- Chức năng *thực hiện (hay thừa nhận) giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa*

Thị trường là nơi kiểm tra cuối cùng chủng loại, hình thức, mẫu mã, số lượng, chất lượng HH. Vì vậy, người sx mang HH ra thị trường, những HH phù hợp nhu cầu thị hiếu xh sẽ bán được. (giá trị HH được thực hiện)  
- Chức năng *thông tin*  
Thị trường cung cấp thông tin về quy mô cung *–* cầu, giá cả, chất lượng, cơ cấu chủng loại, điều kiện mua – bán…các HH, dịch vụ. Thông tin này là căn cứ giúp người bán đưa ra quyết định kịp thời nhằm thu lợi nhuận; còn người mua điều chỉnh sao cho có lợi.  
- Chức năng *điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng*

+ Sự biến động của *cung - cầu, giá cả trên thị trường* đã điều tiết các yếu tố SX từ ngành này sang ngành khác, luân chuyển HH từ nơi này sang nơi khác.  
+ Khi giá cả một HH **tăng** sẽ *kích thích xã hội sản xuất ra hàng hóa đó nhiều hơn*, nhưng lại làm cho nhu cầu của người tiêu dùng về HH đó *bị hạn chế.*

Ngược lại, khi giá cả một HH **giảm** sẽ kích thích *tiêu dùng* và hạn chế việc *sản xuất* HH đó.

**Bài 3 : QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HOÁ (2 Tiết)**

1. **Nội dung quy luật giá trị**

- Vai trò, vị trí của quy luật giá trị *ràng buộc HĐ SX và lưu thông hàng hoá.*

- Nội dung quy luật giá trị:

*SX và lưu thông HH phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sx ra HH* đó.

Nội dung quy luật giá trị được biểu hiện trong sx và lưu thông HH:  
***+ Trong sản xuất:*** QL giá trị yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo sao cho thời gian lao động cá biệt (TGLĐCB) để sx HH phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết (TGLĐXHCT)  
**\* Nhận xét sơ đồ 1:**

TGLĐXHCT

(1) (2) (3)

- Người (1) TGLĐCB = TGLĐXHCT, thực hiện *đúng* y/c QL giá trị, nên thu được *lợi nhuận.*  
- Người (2) TGLĐCB < TGLĐXHCT, thực hiện *tốt* y/c QL giá trị, nên thu được *lợi nhuận nhiều hơn người (1).*  
- Người (3) TGLĐCB > TGLĐXHCT, thực hiện *vi phạm* y/c QL giá trị, nên *bị thua lỗ (phá sản)*

***+ Trong lưu thông:*** QL giá trị yêu cầu việc trao đổi giữa hai HH A và B phải dựa trên thời gian lao động xã hội cần thiết (phải *theo nguyên tắc ngang giá).*   
**a) Đối với 1 hàng hoá:**   
*Trên thị trường, việc trao đổi hàng hoá cũng phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết hay dựa trên nguyên tắc ngang giá.*

Giá cả HH có thể bán cao, thấp so với giá trị của nó do ảnh hưởng của cạnh tranh, cung cầu, nhưng xoay xung quanh trục giá trị HH hay xoay quanh TGLĐXHCT  
**b) Đối với tổng hh và trên toàn xh:**  
**\*Ql giá trị y/c:** Tổng giá cả hh sau khi bán = tổng giá trị hh trong sx.  
**KL:** Y/c này là đk đảm bảo cho nền KT hh vận động và phát triển cân đối.  
Khi xem xét không phải 1 hàng hoá mà *tổng hàng hoá và trên phạm vi toàn xh*, ql giá trị y/c tổng giá cả HH sau khi bán bằng tổng giá trị HH trong quá trình sx. ( *nếu không thực hiện đúng sẽ vi phạm ql giá trị, làm cho nền kinh tế mất cân đối).*  
**2. Tác động của quy luật giá trị**  
***a) Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá***  
- Là *sự phân phối* lại các yếu tố TLSX và sức LĐ từ ngành này sang ngành khác, nguồn hàng từ nơi này sang nơi khác... thông qua sự *biến động của sự biến động giá cả*. HH trên thị trường.

**VD:** *Một người nào đó sẵn xuất mặt hàng A và đem ra bán trên thị trường. Giá cả mặt hàng này thấp hơn giá trị cá biệt mà họ đầu tư, nếu tiếp tục họ sẽ thua lỗ. Trong khi đó, trên thị trường mặt hàng B có giá cả cao, vì vậy, để sẵn xuất có lãi, họ phải điều chỉnh từ sản xuất mặt hàng A sang sản xuất mặt hàng B theo tín hiệu của giá cả trên thị trường.*

***b) Kích thích lực lượng sản xuất phát triển và năng suất lao động tăng lên***

***VD SGK/30:***

Khi năng suất lao động ở mức trung bình, mỗi ngày 8 giờ, người lao động sẵn xuất ra 8 hàng hoá, lượng giá trị của 1 hàng hoá là : 8 giờ/8 hàng hoá = 1 giờ, nhưng nhờ **cải tiến kĩ thuật, hợp lí hóa SX**, lực lượng sản xuất phát triển làm cho năng suất lao động của người lao động tăng lên gấp đôi, kết quả là cũng trong 8 giờ nhưng họ sản xuất, ra không phải 8 hàng hoá mà là 16 hàng hoá, nên lượng giá trị của 1 hàng hoá chỉ còn là : 8 giờ/16 hàng hoá = 1/2 giờ.

- Việc cải tiến kĩ thuật làm cho LLSX và năng xuất LĐ xh được nâng cao.   
- NSLĐ tăng làm cho số lượng HH tăng, giá trị 1 HH giảm và lợi nhuận tăng.  
***c) Phân hoá giàu – nghèo giữa những người sản xuất hàng hoá***

*Sự tác động của quy luật giá trị thông qua sự chọn lọc tự nhiên, một mặt đã làm cho một số người sản xuất, kinh doanh giỏi trở nên giàu có, qua đó thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển từ thấp lên cao. Mặt khác, những người sản xuất, kinh doanh kém sẽ thua lỗ, bị phá sản và trở thành người nghèo, dẫn đến sự phân hóa giàu - nghèo trong xã hội.*  
**3. Vận dụng quy luật giá trị**  
***a) Về phía Nhà nước (***Không dạy***)***

***b) Về phía công dân***  
- Phấn đấu giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh, thu nhiều lợi nhuận.  
- Chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu mặt hàng và ngành hàng cho phù hợp với nhu cầu.   
- Đổi mới K.Thuật – Công nghệ, hợp lý hoá sx, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng HH.

*(Chính sách chăm sóc khách hàng, khuyến mãi, bảo hành, đổi mới mẫu mã, chất lượng cao, giảm chi phí SX nhưng chất lượng không giảm, áp dụng kĩ thuật CN, dựa vào thông tin thị trường)*

**Bài 4: CẠNH TRANH TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HOÁ** **(1 Tiết)**

**1. Cạnh tranh và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh**  
***a) Khái niệm cạnh tranh***   
Cạnh tranh là sự *ganh đua, đấu tranh* giữa *các chủ thể kinh thể* trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều *lợi nhuận.*

Khái niệm đề cấp đến 3 khía cạnh: + Tính chất: sự *ganh đua, đấu tranh.*

+ Chủ thể: *chủ thể kinh tế*

+ Mục đích: *giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác*

***b) Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh***   
+ Do tồn tại *nhiều chủ sở hữu* với tư cách là những đơn vị kinh tế *độc lập,* tự do sx, kinh doanh.   
+ Các chủ thể kinh tế có *điều kiện sản xuất* và *lợi ích khác nhau.*

***c) Mục đích của cạnh tranh***

- Mục đích *cuối cùng* của cạnh tranh: là giành *lợi nhuận* về mình nhiều hơn người khác.

**Muốn vậy phải:**

+ Giành nguyên liệu và các nguồn lực khác

+ Giành ưu thế về khoa học công nghệ

+ Giành thị trường, nơi đầu tư...

+ Giành ưu thế về chất lượng, giá cả, bảo hành...

***d) Các loại cạnh tranh (không dạy)*** *bán - bán; mua - mua; cùng ngành - khác ngành; ngoài - trong nước?*

**2. Tính hai mặt của cạnh tranh.**

***a. Mặt* *tích cực của cạnh tranh.***

- Kích thích LLSX, KHCN phát triển, *năng xuất lao động xã hội* tăng lên.

- Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước *(vốn, công nghệ, nhân lực)*

- Thúc đẩy *tăng trưởng* kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

***b. Mặt* *hạn chế của cạnh tranh.***

- Làm cho môi trường*, môi sinh suy thoái* và mất cân bằng nghiêm trọng.

- Sử dụng thủ đoạn *phi pháp*, bất lương.

- *Đầu cơ tích trữ* gây rối loạn thị trường.

**KL:** Cạnh tranh là quy luật kinh tế *tồn tại khách quan* của sản xuất và lưu thông hàng hóa, vừa có mặt *tích cực,* vừa có mặt *hạn chế* nhưng mặt *tích cực* là cơ bản, mang tính trội.

***Phân biệt cạnh tranh lành mạnh và cạnh tranh không lành mạnh.***

| *Tiêu chí* | *Cạnh tranh lành mạnh* | *Cạnh tranh không lành mạnh* |
| --- | --- | --- |
| Pháp luật | *đúng pháp luật* | *vi phạm pháp luật* |
| Chuẩn mực đạo đức | *đúng chuẩn mực* | *không đúng chuẩn mực* |
| Hệ quả | *kích thích kinh tế thị trường phát triển đúng hướng* | *làm rối loạn và kìm hãm sự phát triển kinh tế thị trường* |
| Ví dụ |  | *Samsung so sánh những tiến bộ của điện thoại mình với Apple, Pepsi và Cocacola ditch nhau sml, làm hàng giả, thực phẩm kém chất lượng* |

**Bài 5: CUNG – CẦU TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HOÁ (1 Tiết)**

1. **Khái niệm cung, cầu.**   
   **a) Khái niệm cầu**   
   Cầu là khối lượng hàng hoá, dịch vụ mà người tiêu dùng *cần mua* trong một thời kỳ nhất định tương ứng với *giá cả* và *thu nhập* xác định.  
   (Cầu là n/c có khả năng thanh toán, n/c tiêu dùng của người mua đảm bảo bằng số lượng tiền mà họ có sẵn tương ứng)

**Cầu =*****?????? (Cầu = nhu cầu + có khả năng thanh toán (Có khả năng chi trả))***

**- Yếu tố tác động đến cầu:** Thu nhập, giá cả, thị hiếu, lãi suất, sức mua của đồng tiền, phong tuc tập quán…trong đó ***giá cả***là yếu tố quan trọng nhất.

**Lưu ý**: *Giá cả và số lượng cầu* ***tỉ lệ nghịch*** *với nhau*  
- VD   
**b) Khái niệm cung**   
-Là khối lượng hàng hoá, dịch vụ *hiện có* trên thị trường và *chuẩn bị* đưa ra thị trường trong một thời kỳ nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sx và chi phí sx xác định

- **Lưu ý:** *Giá cả và số lượng cung* ***tỉ lệ thuận*** *với nhau*

**- Yếu tố tác động đến cung**: Khả năng sản xuất, năng suất lao động, chi phí sản xuất, giá cả, các yếu tố sản xuất được sử dụng, sản lượng và chất lượng các nguồn lực…Trong đó ***giá cả*** là yếu tố trọng tâm.

- VD

1. **Mối quan hệ cung – cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hoá**   
   **a) Nội dung của quan hệ cung – cầu**

Quan hệ cung – cầu là mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa người *bán* với người *mua* hay giữa những người *SX* với những người *tiêu dùng* diễn ra trên thị trường để xác định *giá cả* và *số lượng* hàng hoá, dịch vụ.

**\* Biểu hiện nội dung quan hệ cung - cầu:**

**- Cung – Cầu tác động lẫn nhau**

+ Khi cầu ↑ => *mở rộng* sản xuất => cung ↑

+ Khi cầu ↓ => sản xuất *kinh doanh thu hẹp*  => cung ↓

**- Cung – Cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường**

+ Khi Cung = Cầu → giá cả *=* giá trị

+ Khi Cung > Cầu → giá cả *<* giá trị

+ Khi Cung < Cầu → giá cả *>* giá trị

**- Giá cả ảnh hưởng đến Cung – Cầu**

+ Giá cả tăng → *mở rộng* SX => cung ↑ và cầu *↓* khi thu nhập không tăng

+ Giá cả giảm → *thu hẹp* SX => cung ↓ và cầu ↑ mặc dù thu nhập không tăng

**b. Vai trò của quan hệ cung – cầu *(không dạy)***

**3. Vận dụng quan hệ Cung- Cầu**

**- Đối với nhà nước**

+ Khi cung < cầu do khách quan, điều tiết bằng *sử dụng lực lượng dự trữ quốc gia để tăng cung.*

+ Khi cung < cầu do tự phát, đầu cơ, tích trữ thì điều tiết bằng cách *sử dụng lực lượng dự trữ để điều tiết và xử lý kẻ đầu cơ tích trữ*

+ Khi cung > cầu quá nhiều thì phải kích cầu như *tăng lương cho sở, điều tiết giá cả cho rẻ, hỗ trợ bán* để tăng cầu.

**- Đối với người sản xuất, kinh doanh**

+ Cung > Cầu thì *thu hẹp SX, kinh doanh mặt hàng trên thị trường*

+ Cung < Cầu thì *mở rộng SX kinh doanh mặt hàng trên thị trường*

**- Đối với người tiêu dùng**

+ Cung < Cầu thì *giảm nhu cầu mua*

+ Cung > Cầu thì *mua các mặt hàng có giá cả thấp tương ứng*

**Bài 6: CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC (2 Tiết)**

**1. Khái niệm CNH, HĐH; tính tất yếu khách quan và tác dụng của CNH, HĐH đất nước**  
**a) Khái niệm CNH, HĐH**   
\* **CNH**: Là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất từ sử dụng *sức lao động thủ công* là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động dựa trên sự phát triển của công nghiệp *nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao* (là xd cơ sở vật chất – kỹ thuật của CNXH, đưa nước ta từ một nước có nền KT nông nghiệp lạc hậu thành một nước có nền KT công – nông nghiệp hiện đại)

*Thay thế máy móc trong SX*

CNH gắn liền với cuộc CMKT **lần 1**.( Khi nào; Ở đâu; Thành tựu )

*- Khoảng 1750/1760 đến khoảng 1820/1840.*

*- Tại Anh*

*- Cơ khí máy móc (chạy bằng hơi nước và sức nước) ra đời và cải tiến, thay thế sức lao động thủ công qua đó tăng sản lượng.*\* **HĐH**: Là quá trình ứng dụng và trang bị những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại vào quá trình sx, kinh doanh, dịch vụ và quản lí KT – XH.

*Học online (teams, zoom, google meet), dùng máy tính để tính toán, quản lý, dùng AI(Adobe Illustrator),IoT (muối iot), khai báo y tế online, bán đa cấp online*

**HĐH gắn liền với cuộc CMKT lần 2.( Khi nào; Ở đâu; Thành tựu )**

*- 1871-1914*

*- Các cường quốc công nghiệp (Anh, Đức, Hoa Kì…)*

*- Ngành công nghiệp hóa chất, dầu mỏ, thép và điện lực; Sản xuất hàng loạt hàng tiêu dùng; Các lĩnh vực như đồ uống và thực phẩm, quần áo, vận tải và giải trí được thương mại hoá***Việt Nam bắt đầu tiến hành CNH – HĐH khi nào?**

*- Từ sau năm 1975, thống nhất đất nước và tiếp tục thực hiện liên tục đến nay.*

**Tại sao ở Việt Nam, đòi hỏi CNH phải gắn liền với HĐH?**

*Vì VN tiến hành sau các nước khác, phải tiến hành đồng thời, phải bắt kịp thời đại với các nước phát triển; rút ngắn thời gian*

**b. Tính tất yếu khách quan và tác dụng của công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.**

**- Tính tất yếu khách quan của CNH-HĐH**

+ Do yêu cầu phải xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH.

+ Do yêu cầu phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu xa về kinh tế, khoa học công nghệ.

+ Do yêu cầu phải tạo ra NSLĐ xã hội cao

**- Tác dụng của CNH-HĐH.**

+ Tạo tiền đề thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế xã hội

+ Củng cố quan hệ sản xuất XHCN, tăng cường vai trò của Nhà nước

+ Tạo tiền đề phát triển nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

+ Xây dựng kinh tế tự chủ và chủ động HNQT, tăng cường tiềm lực ANQP.

**2. Nội dung cơ bản của CNH-HĐH ở nước ta.**

***a. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất.***

LLSX gồm: Người lao động và tư liệu sản xuất

TLSX gồm: tư liệu lao động và đối tượng lao động

+ Chuyển từ nền kinh tế dựa trên kĩ thuật thủ công sang kĩ thuật cơ khí

+ Áp dụng thành tựu khoa học công nghệ vào các ngành kinh tế quốc dân.

+ Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

***b. Xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và có hiệu quả.***

**- Cơ cấu kinh tế.**

**7 vùng:** *Vùng trung du và miền núi phía Bắc, đồng bằng Bắc Bộ , vùng Bắc Trung Bộ, vùng ven biển Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên , vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long.*

- Xu hướng chuyển dịch ngành kinh tế từ cơ cấu nông nghiệp sang cơ cấu công nghiệp sang cơ cấu CN-NN-DV hiện đại.

**- Tỉ trọng phát triển cơ cấu ngành kinh tế trong GDP.**

+ Tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ ngày càng tăng

+ Tỉ trọng nông nghiệp ngày càng giảm

**- Xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động**:

+ Tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm, tỷ trọng lao động công nghiệp, dịch vụ tăng.

+ Tỷ trọng lao động chân tay giảm, tỷ trọng lao động trí óc tăng.

***c. Củng cố và tăng cường địa vị chủ đạo của quan hệ sản xuất XHCN trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.*** *(Khuyến khích học sinh tự đọc)*

**3. Trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp CNH-HĐH đất nước.**

- Có nhận thức đúng về CNH-HĐH

- Có lựa chọn trong sản xuất – kinh doanh

- Tiếp thu thành tựu khoa học – công nghệ

- Ra sức học tập và rèn luyện

**Bài 7:** **THỰC HIỆN NỀN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN**

**VÀ TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ QUẢN LÍ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC**

**( 2 TIẾT)**

**1. Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần.**

**a. Khái niệm thành phần kinh tế và tính tất yếu khách quan của nền kinh tế nhiều TP.**

**- Khái niệm thành phần kinh tế:**

Là kiểu quan hệ kinh tế dựa trên một hình thức sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất.

**- Các hình thức sở hữu:**

**+** Sở hữu nhà nước.

**+** Sở hữu tập thể.

**+** Sở hữu tư nhân.

**- Tính tất yếu khách quan của sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành ở nước ta.**

+ Các thành phần kinh tế cũ và mới tồn tại khách quan và có quan hệ với nhau, tạo thành cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ.

+ Ở nước ta lực lượng sản xuất thấp kém, trình độ khác nhau nên hình thức sở hữu cũng khác nhau.

**b. Các thành phần kinh tế ở nước ta *(****Hướng dẫn học sinh tự học****)***

**Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X xác định có 5 thành phần kinh tế**

| **TPKT** | **Khái niệm** | **Hình thức tổ chức** | **Vai trò** | **Ví dụ** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhà nước** | Sở hữu *nhà nước* về tư liệu sản xuất | + *các doanh nghiệp nhà nước*  + quỹ dự trữ quốc gia,  + quỹ bảo hiểm, tài sản | Giữ vai trò *chủ đạo*, then chốt, lực lượng vật chất quan trọng | *Quản lí kinh tế nhà nước, trạm kiểm soát, ngân hàng, trạm bảo hiểm, tập đoàn điện lực VN, nhà máy thuỷ điện Hoà Bình…* |
| **Tập thể** | Sở hữu *tập thể* về tư liệu sản xuất | *Hợp tác xã* là đơn vị kinh tế dựa trên nguyên tắc tự nguyện cùng có lợi. | Cùng với kinh tế Nhà nước hợp thành *nền tảng vững chắc của* kinh tế Quốc dân | *Đài truyền hình, bất động sản, hợp tác xã nông nghiệp, htx sản xuất thủ công mỹ nghệ…* |
| **Tư nhân** | Sở hữu *tư nhân* về tư liệu sản xuất | Bao gồm kinh tế *cá thể*, *tiểu chủ* và kinh tế *tư bản tư nhân.* | Có vai trò quan trọng, là một trong những *động lực* của nền KT | *Nhà thuốc bán lẻ, trường học,...* ***Tập đoàn VinGroup*** |
| **Tư bản nhà nước** | Sở hữu *hỗn hợp* về vốn giữa kinh tế *nhà nước* với *tư bản tư nhân trong nước hoặc với tư bản nước ngoài.* | Gồm những doanh nghiệp trên cơ sở vốn , *công nghệ, khả năng tổ chức quản lý* | Là hình thức kinh tế *trung gian, hình thức kinh tế quá độ*, đóng góp không nhỏ vào nền KT | *Mỏ dầu Bạch Hổ - liên doanh dầu khí Việt Nam – Liên Xô, công ty TNHH Honda VN, Yamaha motor VN* |
| **KT có vốn đầu tư nước ngoài** | Sở hữu vốn của *nước ngoài* | Quy mô vốn lớn, trình độ quản lý hiện đại | Thúc đẩy nền kinh tế nước ta tăng trưởng và phát triển. | *Các công ty xuyên quốc gia, công ty tư nhân, KCN Đồng Nai có vốn đầu tư nước ngoài…* |

**c. Trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện nền KT nhiều thành phần.**

- Tin tưởng, chấp hành đường lối phát triển nền kinh tế nhiều thành phần.

- Tham gia lao động sản xuất ở gia đình

- Vận động người thân vào SX-KD

- Tổ chức SX-KD theo đúng pháp luật

- Chủ động tìm kiếm việc làm.

**2. Vai trò quản lí kinh tế của nhà nước (Không dạy)**

**BÀI 8: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (2 Tiết)**

**1. Chủ nghĩa xã hội và những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.**

**a. Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa.** *(*Khuyến khích học sinh tự đọc*)*

**b. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa hội ở Việt Nam**

- Là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.

- Do nhân dân làm chủ.

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

- Có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại, quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

- Con người được giải phóng khỏi áp bức bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam, bình đẳng, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau cùng phát triển.

- Có nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của ĐCS.

- Có quan hệ hữu nghị, hợp tác với tất cả các nước trên thế giới

**2. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.**

**a. Tính tất yếu khách quan đi lên CNXH ở Việt Nam**

**- Có hai hình thức quá độ:**

+ Quá độ trực tiếp:...............................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

+ Quá độ gián tiếp:..............................................................................................................................

............................................................................................................................................................

**- Tính tất yếu:**

+ Là việc làm đúng, phù hợp với điều kiện lịch sử

+ Phù hợp với nguyện vọng của nhân dân

+ Phù hợp với xu thế của thời đại

**- Nước ta lựa chọn con đường XHCN vì:**

+ Chỉ có đi lên CNXH đất nước mới thực sự ..................................................................................

+ Chỉ có đi lên CNXH mới ..............................................................................................................

+ Đi lên CNXH nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, ..................................................

**- Nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tu bản chủ nghĩa.**

**+ Bỏ qua:**

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

**+ Tiếp thu và kế thừa:** .......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**b. Đặc điểm thời kỳ quá độ** **lên CNXH ở nước *(Hướng dẫn học sinh tự học***)

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... .......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**BÀI 9: NHÀ NƯỚC PHÁP QUYẾN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ( 2Tiết)**

**1. Nguồn gốc, bản chất của nhà nước.** *(Khuyến khích học sinh tự học.)*

**a. Nguồn gốc của nhà nước.**



**-** *Nguồn gốc ...................:* Tư liệu sản xuất ngày càng phát triển => của cải dư thừa => những người có địa vị trong xã hội chiến đoạt => **........................................................................................**

*- Nguồn gốc ...................:* Xã hội phân chia giai cấp, người chiếm đoạt được tư liệu sản xuát và của cải giàu lên => trở thành giai cấp bóc lột; còn những người bị tước đoạt tư liệu sản xuất và của cải thì nghèo đi => trở thành giai cấp bị bó lột. => Lợi ích của hai giai cấp này đối lập nhau =>**.......................................................................................................................................................**..=> Lập ra một bộ máy trấn áp gọi là nhà nước.

**b. Bản chất của nhà nước. *(Khuyến khích học sinh tự học.)***

**2. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam**

**a. Thế nào là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.**

- **Pháp quyền**: ...............................................................................................................................

**- NN pháp quyền:** + ...........................................................................................................................

+..............................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

**- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam:**

+...........................................................................................................................................................

+...........................................................................................................................................................

+..........................................................................................................................................................

**- Có ....... kiểu nhà nước pháp quyền:**

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

**b. Bản chất của NN pháp quyền XHCN Việt Nam.**

- Nhà nước ta mang bản chất của ..........................................................

Vì:........................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

- Bản chất nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam bao hàm Tính nhân dân và Tính dân tộc sâu sắc.

**+ Tính nhân dân:**

**.** Nhà nước của dân, vì dân do nhân dân lập nên và nhân dân tham gia quản lý;

**.** Thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân, là công cụ để nhân dân thực hiện quyền làm chủ

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

**+ Tính dân tộc:**

**.** Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

**.** Có những chính sách đúng, chăm lo lợi ích các dân tộc

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

**c. Chức năng của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.**

Nhà nước có 2 chức năng: + ………………………………………….

+ ………………………………………….

**- Chức năng đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an ninh xã hội.**

+ Phòng ngừa, ngăn chặn mọi âm mưa gây rối, phá hoại, bạo loạn.

+ Đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, an toàn xã hội để xây dựng và phát triển.

**- Chức năng tổ chức và xây dựng**.

+ Xây dựng và quản lý nền kinh tế

+ Xây dựng và quản lý văn hoá, giáo dục, khoa học.

+ Xây dựng và đảm bảo các chính sách xã hội

+ Xây dựng hệ thống pháp luật

Trong 2 chức năng trên thì …………………………………………. là căn bản nhất và giữ vai trò quyết định.

**d. Vai trò của nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong hệ thống chính trị.** (Khuyến khích học sinh tự đọc)

**3. Trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**.

- Gương mẫu thực hiện và tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Tích cực tham gia các hoạt động: xây dựng, củng cố, bảo vệ chính quyền, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

- Phê phán đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật.

- Thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

**BÀI 10: NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (2 Tiết)**

**1. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.**

**a. Thực chất của vấn đề dân chủ.**

- Dân chủ là quyền làm chủ thuộc về nhân dân, quyền lực thuộc về nhân dân

- Dân chủ là một hình thức nhà nước gắn với giai cấp thống trị.

- Trong xã hội loài người đã và đang có ….. nền dân chủ:

………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**b. Bản chất của nền dân chủ XHCN.**

Về bản chất: Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ của quảng đại quần chúng nhân dân, được thực hiện chủ yếu bằng nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Bản chất nền dân chủ XHCN được thể hiện cụ thể ở 5 phương diện:

- Mang bản chất của giai cấp…………………

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

- Có cơ sở kinh tế là chế độ ……………. về TLSX

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

- Lấy hệ tư tưởng ……………………. làm nền tảng tinh thần của xã hội.

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

- Là nền dân chủ của ……………………………….

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

- Gắn liền với ………………………………….

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

**2. Xây dựng nền dân chủ XHCN ở Việt Nam.**

***Mục đích:*** Đem lại quyền lực thực sự cho nhân dân.

**a. Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực kinh tế. *(Khuyến khích học sinh tự học)***

**b. Nội dung cở bản của dân chủ trong lĩnh vực chính trị.**

- Thực hiện mọi quyền lực thuộc về nhân dân

**- Biểu hiện:**

+ Quyền bầu cử, ứng cử vào các cơ quan quyền lực nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội

.............................................................................................................................................................

+ Tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của Nhà nước và địa phương

.............................................................................................................................................................

+ Quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước, biểu quyết khi nhà nước trưng cầu ý dân.

.............................................................................................................................................................

+ Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tư do tín ngưỡng

.............................................................................................................................................................

+ Quyền khiếu nại tố cáo

.............................................................................................................................................................

**2. Xây dựng nền dân chủ XHCN ở Việt Nam.**

**c. ND cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực văn hóa.**

- Thực hiện quyền làm chủ và bình đẳng trong lĩnh vực văn hóa

**- Biểu hiện:**

+ Quyền được tham gia vào đời sống văn hóa.

.............................................................................................................................................................

+ Quyền được hưởng các lợi ích sáng tạo văn hóa, nghệ thuật của chính mình

.............................................................................................................................................................

+ Quyền sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật

.............................................................................................................................................................

**d. Nội dung cơ bản của dan chủ trong lĩnh vực xã hội. *(Khuyến khích học sinh tự học)***

- Quyền lao đông,

.............................................................................................................................................................

- Quyền bình đẳng nam nữ.

.............................................................................................................................................................

- Quyền được hưởng an toàn xã hội và bảo hiểm xã hội.

.............................................................................................................................................................

- Quyền được hưởng chế độ bảo vệ sức khỏe.

.............................................................................................................................................................

- Quyền được đảm bảo vật chất và tinh thần khi không còn khả năng lao động.

.............................................................................................................................................................

- Quyền bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi, về cống hiến và hưởng thụ...

.............................................................................................................................................................

**3. Những hình thức cơ bản của dân chủ*. (Hướng dẫn học sinh tự học)***

**a. Dân chủ trực tiếp.**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**b. Dân chủ gián tiếp.**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**BÀI 11: CHÍNH SÁCH DÂN SỐ VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM (1 Tiết)**

**1. Chính sách dân số.**

***a. Tình hình dân số nước ta (Hướng dẫn học sinh tự học)***

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

***b. Mục tiêu và phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách dân số.***

**- Mục tiêu**

+ Tiếp tục tốc độ gia tăng dân số.

+ Ổn định quy mọ, cơ cấu dân số.

+ Phân bố dân cư hợp lý.

+ Nâng cao chất lượng dân số.

**- Phương hướng**

+ Tăng cường công tác ………………. và ………………….

............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

+ Làm tốt công tác …………………, …………………. giáo dục

............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

+ Nâng cao ………………………. của người dân

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

+ Nhà nước …………………………….. và tranh thủ mọi nguồn lực để thực hiện công tác xã hội hóa dân số

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

**2. Chính sách giải quyết việc làm.**

**a. Tình hình việc làm ở nước ta hiện nay.**

- Thiếu việc làm (ở cả nông thôn và thành thị).

**Nguyên nhân.**

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

**b. Mục tiêu, phương hướng cơ bản của chính sách giải quyết việc làm.**

**- Mục tiêu**

+ Tập trung sức giải quyết việc làm ở cả thành thị và nông thôn.

+ Phát triển nguồn nhân lực

+ Mở rộng thị trường lao động

+ Giảm tỷ lệ thất nghiệp và tăng tỷ lệ người lao động đã qua đào tạo nghề.

**- Phương hướng**

+ Thúc đẩy phát triển sản xuất và dịch vụ

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

+ Khuyến khích làm giàu hợp pháp, tự do hành nghề

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

+ Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

+ Sử dụng nguồn vốn có hiệu quả

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

**3. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách dân số và giải quyết việc làm. *(Hướng dẫn học sinh tự học)***

- Chấp hành chính sách dân số, pháp lệnh về dân số.

- Chấp hành chính sách giải quyết việc làm và pháp luật về lao động

- Động viện mọi người cùng thực hiện và đấu tranh chống những hành vi vi phạm chính sách dân số và giải quyết việc làm.

- Bản thân có ý chí vươn lên trong học tập và trong cuộc sống, định hướng nghề nghiệp đúng đắn góp phần phát triển đất nước.

**BÀI 12: CHÍNH SÁCH TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (1 Tiết)**

**1. Tình hình tài nguyên, môi trường ở nước ta hiện nay. *(Hướng dẫn học sinh tự học)***

**\* Nguyên nhân**

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

**\* Hậu quả**

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

**2. Mục tiêu, phương hướng cơ bản của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường.**

*-***Mục tiêu**

+ Sử dụng hợp lý tài nguyên

+ Làm tốt công tác bảo vệ môi trường

+ Bảo tồn đa dạng sinh học

+ Từng bước nâng cao chất lượng môi trường

***-* Phương hướng**

+ Tăng cường công tác quản lí của nhà nước.

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

+ Thường xuyên giáo dục, tuyên truyền ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường cho người dân.

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

+ Coi trọng nghiên cứu KHCN, mở rộng hợp tác quốc tế, khu vực.

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

+ Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn thiên nhiên.

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

+ Khai thác, sử dụng hợp lí, tiết kiệm tài nguyên.

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

+ Áp dụng khoa học hiện đại vào khai thác tài nguyên và xử lý chất thải.

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

**3. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường. *(Hướng dẫn học sinh tự học)***

- Chấp hành chính sách và pháp luật về bảo vệ về tài nguyên và môi trường.

- Tích cực tham gia vào các hoạt động bảo vệ tài nguyên, môi trường

- Vận động mọi người cùng tham gia, đồng thời chống các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường.

**BÀI 13: CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ;**

**VĂN HÓA (3 Tiết)**

**1. Chính sách Giáo dục và Đào tạo**

**a. Nhiệm vụ của giáo dục và đào tạo.**

**\* Khái niệm GD&ĐT**

**- Giáo dục:**

…………………………………………………………………………………………………………

**- Đào tạo:**

…………………………………………………………………………………………………………

**\* Vai trò của GD&ĐT:**

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

**\* Nhiệm vụ của GD&ĐT**

- ……………………………….: Vì dân trí thấp là …………… và không thể ……………. vì vậy phải nâng cao dân trí.

- …………………………………

+ Tạo ra đội ngũ ……………….

+ Tạo ra đội ngũ ……………...

+ Tạo ra đội ngũ …… ………..

- …………………………………: Đào tạo và bồi dưỡng nhân tài thì mới có khả năng …………………………………………………

GD&ĐT là ……………………………. và coi đầu tư cho GD&ĐT là đầu tư cho …………………. vì:

- Xây dựng XHCN con người được đặt ở vị trí trung tâm, là mục tiêu và động lực của sự phát triển.

- Góp phần đào tạo, bồi dưỡng con người

- Học vấn của nhân dân được nâng cao từ đó nắm bắt và sử dụng được KHCN.

**b. Phương hướng cơ bản để phát triển Giáo dục và Đào tạo. (6 Phương hướng)**

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả GD & ĐT

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

- Mở rộng quy mô giáo dục

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

- Ưu tiên đầu tư cho GD & ĐT

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

- Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

- Xã hội hoá sự nghiệp giáo dục: huy động mọi nguồn lực vật chất và trí tuệ của xã hội tham gia vào sự nghiệp giáp dục.

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

- Tăng cường hợp tác quốc tế về GD&ĐT

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

**2. Chính sách Khoa học và công nghệ.**

**a. Nhiệm vụ của Khoa học và công nghệ.**

**\* Khái niệm Khoa học và công nghệ.**

**- Khoa học:** là hệ thống tri thức được khái quát và kiểm nghiệm trong thực tiễn.

**- Công nghệ:** là tập hợp các phương tiện, giải pháp và cách thức tổ chức nhằm sử dụng các tri thức khoa học vào thực tiễn.

**=>** **Công nghệ:** do 4 yếu tố hợp thành: Con người, thiết bị, thông tin, quản l‎ý.

**\* Nhiệm vụ của khoa học và công nghệ.**

- Giải đáp kịp thời những vấn đề do cuộc sống đặt ra.

- Cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Đổi mới nâng cao trình độ công nghệ trong nền kinh tế.

- Nâng cao trình độ quản lý, hiệu quả của hoạt động khoa học và công nghệ.

**\* Vai trò của khoa học công nghệ.**

- Giúp đất nước giàu có

- Kinh tế có sức cạnh tranh mạnh

- Đông lực thúc đẩy sự phát triển của đất nước

- Khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu.

**b. Phương hướng cơ bản để phát triển Khoa học và công nghệ**.

*- Đổi mới cơ chế quản lý KH&CN:* nhằm khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học

*- Tạo thị trường cho khoa học và công nghệ:* là nơi diễn ra hoạt động giao dịch, mua bán công nghệ.

*- Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ:*

+ Tăng số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học.

+ Tăng cường cơ sở vật chất kĩ thuật

+ Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học.

*- Tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm:* đẩy mạnh nghiên cứu các lĩnh vực khoa học xã hội, ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, CNTT, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới.

**3. Chính sách văn hoá.**

**a. Nhiệm vụ của văn hoá.**

**\* Văn hoá là gì?**

**- Văn hoá**

……………………………………………………………………………………………………….

**- Nghĩa rộng:**

…………………………………………………………………………………………….................

**- Nghĩa hẹp:**

…………………………………………………………………………………………………….............

**\* Vai trò của văn hoá.**

- Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội.

- Văn hoá vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

- Văn hoá khơi dậy tiềm năng, phát huy sức sáng tạo của con người, tạo ra sự phát triển hài hoà giữa giá trị vật chất và tinh thần.

**\* Nhiệm vụ của văn hoá.**

+...........................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

+...........................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................**- Tiên tiến:** tinh thần yêu nước và tiến bộ theo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng HCM vì mục tiêu phát triển con người toàn diện.

**- Đậm đà bản sắc dân tộc:** giá trị tinh hoa văn hoá dân tộc Việt đó là: lòng yêu nước, ‎ý chí tự lực tự cường, ‎ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, sáng tạo, cần cù, giảm dị trong cuộc sống.

=>.........................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

...........................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................

**b. Phương hướng cơ bản để xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.**

- Làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng HCM giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân.

- Kế thừa, phát huy những di sản và truyền thống văn hoá của dân tộc.

- Tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại: tiếp thu tư tưởng tiến bộ để làm giàu cho trí tuệ, tâm hồn người Việt Nam.

- Nâng cao sự hiểu biết và mức hưởng thụ văn hoá, phát huy tiềm năng sáng tạo văn hoá của nhân dân.

**4. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách GD&ĐT, KH&CN, văn hoá. *(Hướng dẫn học sinh tự học)***

- Tin tưởng, chấp hành đúng chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước.

- Thường xuyên nâng cao trình độ học vấn, coi trọng việc tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Trau dồi phẩm chất đạo đức, chiếm lĩnh khoa học để làm cho đất nước ngày càng giàu mạnh

- Có quan hệ tốt đẹp với mọi người xung quanh, biết phê phán những thói hư, tật xấu trong xã hội.

**BÀI 14: CHÍNH SÁCH QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH (1 Tiết)**

**1. Vai trò và nhiệm vụ của Quốc phòng & An ninh. *(Khuyến khích học sinh tự học)***

**a. Vai trò của Quốc phòng và An ninh.**

**- Quốc phòng:** giữ gìn và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

**- An ninh:** đảm bảo ổn định chính trị và TTATXH trên tất cả các lĩnh vực.

Quốc phòng và an ninh có vai trò trực tiếp giữ gìn và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**b. Nhiệm vụ của Quốc phòng và An ninh.**

- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh

- Bảo vệ độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ

- Bảo vệ Đảng, nhà nước, chế độ XHCN và nhân dân

- Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hoá, tư tưởng.

- Duy trì TTATXH.

- Giữ vững ổn định chính trị, ngăn ngừa đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch.

**2. Những phương hướng cơ bản nhằm tăng cường QP&AN.**

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

+ Sức mạnh dân tộc: truyền thống yêu nước, nền văn hóa.

+ Sức mạnh thời đại: KHCN, sức mạnh của các lực lượng tiến bộ.

- Kết hợp quốc phòng với an ninh.

- Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng và an ninh.

**3. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách quốc phòng và an ninh. *(Hướng dẫn học sinh tự học)***

+ Tin tưởng vào chính sách QP&AN của Đảng và Nhà nước.

+ Thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn tinh vi của kẻ thù.

+ Chấp hành pháp luật về QP&AN, giữ gìn trật tự, an ninh quốc gia.

+ Sẵn sàng tham gia nghĩ vụ quân sự.

+ Tích cực tham gia vào các hoạt động trên lĩnh vực QP&AN nơi mình cư trú.

**BÀI 15: CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI (1 Tiết)**

**1. Vai trò và nhiệm vụ của chính sách đối ngoại.**

**a. Vai trò của chính sách đối ngoại.**

**\* Vai trò chính sách Đối ngoại**

- Chủ động tạo ra các mối quan hệ quốc tế thuận lợi.

- Góp phần tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước, nâng cao vị thế của nước ta.

**b. Nhiệm vụ của chính sách đối ngoại.**

- Giữ vững môi trường hoà bình => thực hiện thành công đổi mới đất nước.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế => CNH–HĐH

- Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới => vì một thế giới hòa bình, độc lập, dan chủ và tiến bộ.

**2. Nguyên tắc của chính sách đối ngoại.**

- Tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

- Tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

**3. Phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách đối ngoại.**

- Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế

- Củng cố và tăng cường quan hệ với các Đảng cộng sản.

- Phát triển công tác đối ngoại nhân dân

- Chủ động tham gia vào cuộc đấu tranh chung vì quyền con người.

- Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại.

**4. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách đối ngoại.  *(Hướng dẫn học sinh tự học)***

+ Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

+ Luôn quan tâm đến tình hình thế giới và vai trò của nước ta trên trường quốc tế.

+ Chuẩn bị những điều kiện cần thiết để tham gia vào các công việc có liên quan đến đối ngoại như rèn luyện nghề, nâng cao trình độ văn hóa, khả năng ngoại ngữ…

+ Khi quan hệ với các đối tác nước ngoài cần thể hiện ý thức dân tộc, có thái độ hữu nghị, hợp tác, thân thiện, lịch sự với người nước ngoài.